

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 10/2020
MÔN THI : MÔN 2 (KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH)

Thời Gian: 13H00 - 04/10/2020

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	2220515020	Hồ Thị Thúy	Hiền	K22YDD	28/04/1998	6.0	Sáu	
2	2221515026	Trương Vũ Việt	Hoàng	K22YDD	15/06/1998	8.1	Tám Phẩy Một	
3	2220515030	Lê Thị Thanh	Hương	K22YDD	18/12/1997	6.0	Sáu	
4	2221515036	Trần Quốc	Khang	K22YDD	08/07/1997	6.2	Sáu Phẩy Hai	
5	2126511977	Vũ Thị Phương	Lan	T21YDD-B	24/06/1995	9.7	ChínPhẩy Bảy	
6	2220519485	Bùi Diễm	My	K22YDD	11/07/1998	9.5	Chín Phẩy Năm	
7	2220515094	Nguyễn Thị Hồng	Nhân	K22YDD	24/11/1997	10.0	Mười	
8	2220515103	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	K22YDD	08/09/1997	9.7	ChínPhẩy Bảy	
9	2220515114	Đinh Lê Nam	Phương	K22YDD	05/08/1998	8.1	Tám Phẩy Một	
10	2220515124	Ngô Thị Thanh	Sương	K22YDD	05/06/1998	10.0	Mười	
11	2220518811	Phạm Thị Phương	Thảo	K22YDD	09/01/1998	9.8	Chín Phẩy Tám	
12	2220518797	Vũ Tổ	Trâm	K22YDD	19/02/1998	9.9	Chín Phẩy Chín	
13	2220519070	Phan Thị Bảo	Trâm	K22YDD	30/03/1998	9.4	ChínPhẩy Bốn	
14	2220512736	Nguyễn Thiều Kiều	Trinh	K22YDD	27/11/1998	9.0	Chín	
15	2120517533	Huỳnh Lê Thanh	Tuyền	K21YDD	06/11/1997	6.8	Sáu Phẩy Tám	
16	2120524756	Nguyễn Thị Thúy	An	K21YDH	02/06/1997	8.6	Tám Phẩy Sáu	
17	2326521013	Nguyễn Thị Phương	An	D23YDH	02/09/1995	8.4	Tám Phẩy Bốn	
18	2126521837	Lê Thị Tú	An	T22YDH	27/02/1991	8.4	Tám Phẩy Bốn	
19	2120524826	Ngô Thị Hoài	Ân	K22YDH	02/10/1997	8.6	Tám Phẩy Sáu	
20	2020524969	Hoàng Nguyễn Hồng	Ân	K20YDH	02/09/1996	V	Vắng	
21	2121524816	Nguyễn Hoàng	Anh	K21YDH	12/03/1995	6.8	Sáu Phẩy Tám	
22	2227521491	Nguyễn Tuấn	Anh	D22YDH-B	27/07/1994	5.9	Năm Phẩy Chín	
23	2020522774	Trần Thị	Anh	K21YDH	13/07/1993	7.3	Bảy Phẩy Ba	
24	2226521304	Nguyễn Hoàng Bảo	Anh	T22YDH	26/10/1995	8.1	Tám Phẩy Một	
25	2226521305	Huỳnh Huệ	Anh	T22YDH	03/01/1992	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
26	1921524475	Lê Phạm Quốc	Anh	K19YDH	21/08/1992	3.7	Ba Phẩy Bảy	
27	2326521015	Trương Ngọc	Ánh	D23YDH A	26/12/1996	6.5	Sáu Phẩy Năm	
28	2326521014	Bùi Thị	Ánh	D23YDH	13/07/1994	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
29	2120526687	Nguyễn Như	Bình	K21YDH	06/02/1997	V	Vắng	
30	2327521016	Trần Ngọc	Bình	D23YDH	09/10/1994	8.5	Tám Phẩy Năm	
31	2226521306	Nguyễn Thị Ánh	Bình	T22YDH	02/09/1981	9.7	ChínPhẩy Bảy	
32	2226521307	Thái Thị	Bình	T22YDH	10/05/1981	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
33	2227521308	Nguyễn Quang	Bình	T22YDH	02/02/1993	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
34	2120529254	Nguyễn Lê Ngọc	Cẩm	K21YDH	29/05/1997	V	Vắng	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
35	2121529028	Nguyễn Huỳnh Minh	Châu	K22YDH	25/12/1997	7.6	BảyPhẩy Sáu	
36	2227521310	Nguyễn Minh	Chiến	T22YDH	05/04/1986	6.9	Sáu Phẩy Chín	
37	2227521495	Văn Phú	Chính	D22YDH-B	27/08/1994	7.0	Bảy	
38	2226521311	Nguyễn Thị Thu	Chung	T22YDH	18/01/1973	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
39	2326521018	Huỳnh Thị Hồng	Đào	D23YDH	25/12/1994	7.9	Bảy Phẩy Chín	
40	2227521312	Võ Văn	Đạo	T22YDH	01/01/1986	7.8	Bảy Phẩy Tám	
41	2121524548	Trương Minh	Đạt	K21YDH	02/03/1997	8.8	Tám Phẩy Tám	
42	2227521313	Phan Thành	Đạt	T22YDH	06/05/1993	8.8	Tám Phẩy Tám	
43	2326521022	Nguyễn Thị	Diễm	D23YDH	16/08/1992	9.3	Chín Phẩy Ba	
44	2120527226	Nguyễn Ngọc	Diệp	K21YDH	14/04/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
45	2120524807	Nguyễn Thị	Diệu	K21YDH	29/03/1997	7.2	Bảy Phẩy Hai	
46	2127521843	Quách	Diệu	T21YDH-B	01/01/1964	4.2	Bốn Phẩy Hai	
47	2227521314	Trần Quốc	Định	T22YDH	25/01/1992	9.0	Chín	
48	2121524609	Trần Huệ	Đoàn	K21YDH	22/11/1997	5.9	Năm Phẩy Chín	
49	2326521023	Huỳnh Thị Kim	Đông	D23YDH A	21/11/1993	8.6	Tám Phẩy Sáu	
50	2120529431	Nguyễn Lê Ngọc	Dung	K21YDH	29/04/1997	5.6	Năm Phẩy Sáu	
51	1921524614	Nguyễn Phương	Dung	K19YDH	10/07/1995	3.5	Ba Phẩy Năm	
52	2120524714	Phạm Thị Thùy	Dung	K21YDH	23/09/1997	4.3	Bốn Phẩy Ba	
53	2226521316	Huỳnh Thị Tiên	Dung	T22YDH	09/05/1993	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
54	2226521317	Lê Thị Bội	Dung	T22YDH	20/07/1982	4.2	Bốn Phẩy Hai	
55	2226521318	Trần Nguyễn Thị	Dung	T22YDH	15/01/1967	7.6	BảyPhẩy Sáu	
56	2226521760	Trần Thị Thùy	Dung	D22YDH-C	25/10/1992	6.2	Sáu Phẩy Hai	
57	2221523221	Đỗ Phạm Thành	Dũng	K22YDH	25/08/1982	V	Vắng	
58	2226521320	Đặng Thị Việt	Dương	T22YDH	01/01/1981	8.9	Tám Phẩy Chín	
59	2226521091	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D22YDH A	19/10/1992	3.7	Ba Phẩy Bảy	
60	2326521026	Trần Vũ Quỳnh	Duyên	D23YDH A	23/02/1993	8.8	Tám Phẩy Tám	
61	2226521321	Lê Thùy	Duyên	T22YDH	05/11/1992	3.5	Ba Phẩy Năm	
62	2326521027	Phạm Thị	Giang	D23YDH	02/06/1995	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
63	2120529574	Phan Thị Thu	Hà	K21YDH	19/07/1997	5.6	Năm Phẩy Sáu	
64	2226521324	Nguyễn Thị Thu	Hà	T22YDH	17/03/1993	9.0	Chín	
65	2226521326	Huỳnh Thị	Hải	T22YDH	01/01/1979	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
66	2120528933	Trần Thị Thanh	Hàng	K21YDH	30/08/1995	6.1	Sáu Phẩy Một	
67	2326521029	Nguyễn Thị	Hàng	D23YDH	25/03/1990	7.8	Bảy Phẩy Tám	
68	2226521327	Trương Thị Thúy	Hàng	T22YDH	05/10/1994	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
69	2226521328	Đặng Thúy	Hàng	T22YDH	08/08/1995	6.2	Sáu Phẩy Hai	
70	2226521331	Nguyễn Thị	Hàng	T22YDH	10/01/1992	9.4	ChínPhẩy Bốn	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
71	2226521332	Phan Thị Thúy	Hằng	T22YDH	12/08/1994	8.3	Tám Phẩy Ba	
72	2226521330	Nguyễn Thu	Hằng	T22YDH	16/11/1985	6.5	Sáu Phẩy Năm	
73	2326521033	Huỳnh Thị	Hạnh	D23YDH A	20/02/1990	6.8	Sáu Phẩy Tám	
74	2326521031	Hoàng Diệu	Hạnh	D23YDH	17/10/1992	8.1	Tám Phẩy Một	
75	2326521032	Đoàn Thị Hồng	Hạnh	D23YDH	21/09/1995	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
76	2226521334	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	T22YDH	01/01/1992	5.8	Năm Phẩy Tám	
77	2327521034	Bùi Anh	Hào	D23YDH	11/10/1996	8.0	Tám	
78	2121516697	Phạm Duy	Hiền	K21YDH	23/08/1997	5.9	Năm Phẩy Chín	
79	2226521506	Phan Thị Thu	Hiền	D22YDH-B	16/07/1995	V	Vắng	
80	2226521338	Ngô Thị	Hiền	T22YDH	15/06/1970	5.7	Năm Phẩy Bảy	
81	2226521339	Đặng Thị Diệu	Hiền	T22YDH	26/07/1990	6.8	Sáu Phẩy Tám	
82	2121524822	Thái Vinh	Hiển	K21YDH	31/07/1997	7.9	Bảy Phẩy Chín	
83	2327521036	Trương Đình	Hiển	D23YDH	31/12/1983	8.2	Tám Phẩy Hai	
84	2326521037	Lê Thị Mỹ	Hiệp	D23YDH	03/07/1995	9.0	Chín	
85	1921528379	Nguyễn Hoàng	Hiệp	K19YDH	19/10/1995	3.0	Ba	
86	2120524551	Lê Thị Thu	Hiếu	K21YDH	08/01/1997	7.0	Bảy	
87	2120524618	Lê Thị Ngọc	Hiếu	K21YDH	19/06/1997	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
88	2121528948	Nguyễn Huy	Hiếu	K21YDH	07/12/1997	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
89	2326521039	Cao Thị	Hiếu	D23YDH	21/02/1995	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
90	2227521576	Nguyễn Trọng	Hiếu	D22YDH-B	21/06/1994	8.8	Tám Phẩy Tám	
91	2127521861	Trần Minh	Hiếu	T21YDHB	25/02/1994	3.2	Ba Phẩy Hai	
92	2226521341	Võ Thị Thu	Hiệu	T22YDH	12/12/1990	7.8	Bảy Phẩy Tám	
93	2326521040	Nguyễn Thị Yên	Hoa	D23YDH A	13/03/1993	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
94	2226521342	Ngô Thị	Hoa	T22YDH	05/01/1990	8.4	Tám Phẩy Bốn	
95	2226521343	Phạm Thị Thảo	Hoa	T22YDH	01/12/1994	9.2	Chín Phẩy Hai	
96	2120524685	Trần Thị An	Hòa	K21YDH	22/04/1996	5.9	Năm Phẩy Chín	
97	2120528929	Lê Đặng Thanh	Hòa	K21YDH	07/11/1997	V	Vắng	
98	2120524778	Trần Thị Hồng	Hoài	K21YDH	17/07/1997	5.8	Năm Phẩy Tám	
99	2327521043	Vũ Văn	Hoàng	D23YDH	18/09/1989	6.2	Sáu Phẩy Hai	
100	2226521663	Trần Thị Tú	Hồng	T21YDH-B	19/05/1985	7.8	Bảy Phẩy Tám	
101	2226521345	Nguyễn Thị Thu	Hồng	T22YDH	30/12/1985	9.1	Chín Phẩy Một	
102	2227521346	Lương Thanh	Huân	T22YDH	28/09/1990	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
103	2326521045	Nguyễn Thị Thanh	Huế	D23YDH	05/02/1995	9.3	Chín Phẩy Ba	
104	2121527220	Trần Quốc	Hùng	K21YDH	07/11/1997	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
105	2121528821	Đoàn Ngọc Khánh	Hưng	K21YDH	20/09/1997	7.5	Bảy Phẩy Năm	
106	2120528837	Đào Thanh	Hương	K21YDH	29/10/1997	6.8	Sáu Phẩy Tám	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
107	2126521866	Nguyễn Thị Thu	Hương	T21YDH-B	04/02/1995	7.0	Bảy	
108	2226521350	Hoàng Thị Thanh	Hương	T22YDH	26/07/1982	9.2	Chín Phẩy Hai	
109	2326521047	Đặng Thị Thanh	Hường	D23YDH	30/10/1990	9.0	Chín	
110	2226521351	Bùi Thị	Hường	T22YDH	04/03/1994	9.3	Chín Phẩy Ba	
111	2327521048	Nguyễn Chánh	Huy	D23YDH	13/12/1993	7.2	Bảy Phẩy Hai	
112	2327521049	Nguyễn Anh	Huy	D23YDH	27/12/1992	9.5	Chín Phẩy Năm	
113	2326521052	Trần Thị	Huyền	D23YDH	25/01/1995	5.6	Năm Phẩy Sáu	
114	2227521518	Trần Đăng	Khanh	D22YDH-C	10/12/1995	5.6	Năm Phẩy Sáu	
115	2121529138	Phạm Bùi Nam	Khánh	K21YDH	17/10/1997	7.1	Bảy Phẩy Một	
116	2327521053	Trần Việt Duy	Khoái	D23YDH A	09/03/1993	6.0	Sáu	
117	2226521354	Phan Thị Quế	Khương	T22YDH	17/06/1986	9.2	Chín Phẩy Hai	
118	2327521054	Nguyễn Vũ	Kỳ	D23YDH A	06/10/1995	9.1	Chín Phẩy Một	
119	2126521870	Phạm Thị	Lam	T21YDH-B	17/09/1993	8.3	Tám Phẩy Ba	
120	2227521117	Nguyễn Ngọc	Lâm	D22YDH A	23/10/1995	5.5	Năm Phẩy Năm	
121	2120524540	Lê Thị Hương	Lan	K21YDH	23/03/1997	2.7	Hai Phẩy Bảy	
122	2226521355	Nguyễn Thị Thanh	Lan	T22YDH	07/08/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	
123	2226521356	Châu Thị	Lan	T22YDH	12/10/1989	5.6	Năm Phẩy Sáu	
124	2326521056	Lê Thị	Lành	D23YDH A	31/10/1991	8.3	Tám Phẩy Ba	
125	2326521057	Nguyễn Thị	Lành	D23YDH	30/08/1991	9.0	Chín	
126	2226521357	Hồ Diệu Hoa	Lê	T22YDH	26/02/1989	8.7	Tám Phẩy Bảy	
127	2120529676	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	K21YDH	01/07/1997	V	Vắng	
128	2027522060	Nguyễn Lê Nhật	Lệ	T20YDH	15/03/1990	5.5	Năm Phẩy Năm	
129	2226521358	Bùi Thị Mỹ	Lệ	T22YDH	25/03/1993	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
130	2326521058	Nguyễn Thị	Liên	D23YDH A	14/10/1994	6.3	Sáu Phẩy Ba	
131	2226521359	Phạm Thị	Liên	T22YDH	20/12/1994	6.1	Sáu Phẩy Một	
132	2226521360	Mạc Thị Hoàng	Liên	T22YDH	04/04/1987	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
133	2226521361	Nguyễn Thị	Liên	T22YDH	04/10/1986	7.3	Bảy Phẩy Ba	
134	2326521059	Nguyễn Thị Ái	Lìn	D23YDH A	01/01/1985	9.2	Chín Phẩy Hai	
135	2120526750	Nguyễn Dương Thùy	Linh	K21YDH	19/10/1997	5.8	Năm Phẩy Tám	
136	2226521525	Phan Thị Diệu	Linh	D22YDH-B	25/09/1988	5.5	Năm Phẩy Năm	
137	2120524655	Hà Thị Hoàng	Linh	K21YDH	07/11/1996	1.3	Một Phẩy Ba	
138	2226521524	Phạm Hoàng Tiểu	Linh	D23YDH	06/09/1988	5.8	Năm Phẩy Tám	
139	2226521363	Trần Mỹ	Linh	T22YDH	01/12/1994	7.1	Bảy Phẩy Một	
140	2226521365	Phan Thị Băng	Linh	T22YDH	21/03/1994	6.9	Sáu Phẩy Chín	
141	2226521366	Trương Thị	Linh	T22YDH	08/03/1993	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
142	2226521362	Phạm Thị Cẩm	Linh	T22YDH	26/12/1990	5.5	Năm Phẩy Năm	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
143	2326521060	Nguyễn Thị Phương	Loan	D23YDH	16/06/1994	7.8	Bảy Phẩy Tám	
144	2326521061	Trần Thị Yên	Loan	D23YDH	02/12/1994	6.2	Sáu Phẩy Hai	
145	2121526773	Trương Thành	Lộc	K21YDH	12/12/1997	6.2	Sáu Phẩy Hai	
146	1921524650	Nguyễn Ngọc	Lợi	K19YDH	01/01/1994	5.8	Năm Phẩy Tám	
147	2121526868	Hồ Si	Long	K21YDH	09/07/1997	3.2	Ba Phẩy Hai	
148	2227521368	Võ Hoàng	Long	T22YDH	01/07/1994	9.2	Chín Phẩy Hai	
149	2120524520	Trần Thị	Ly	K21YDH	01/04/1997	4.0	Bốn	
150	2326521062	Đinh Thị Ngọc	Ly	D23YDH A	02/03/1994	7.8	Bảy Phẩy Tám	
151	2126521880	Phạm Hương	Ly	T21YDH-B	21/08/1995	3.5	Ba Phẩy Năm	
152	2120524575	Nguyễn Thị Xuân	Ly	K21YDH	19/06/1997	3.6	Ba Phẩy Sáu	
153	2326521063	Nguyễn Mộng Thảo	Ly	D23YDH	01/06/1995	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
154	2326521065	Trần Thị Mỹ	Ly	D23YDH	16/07/1993	6.9	Sáu Phẩy Chín	
155	2326521066	Nguyễn Thị Lư	Ly	D23YDH	20/04/1994	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
156	2226521369	Nguyễn Quỳnh	Ly	T22YDH	05/04/1992	0.2	Không Phẩy Hai	
157	2326521067	Trịnh Thị Thanh	Mai	D23YDH A	14/11/1994	9.1	Chín Phẩy Một	
158	2326521068	Hà Thị	Mai	D23YDH A	23/08/1994	7.6	BảyPhẩy Sáu	
159	2027522073	Phan Quỳnh	Mai	T22YDH	20/12/1985	3.1	Ba Phẩy Một	
160	2226521370	Trần Thị Thúy	Mai	T22YDH	13/11/1995	5.6	Năm Phẩy Sáu	
161	2227521371	Lê Tự	Mẫn	T22YDH	17/10/1989	0.4	Không Phẩy Bốn	
162	2226521372	Lê Thị Hồng	Mận	T22YDH	22/01/1995	6.9	Sáu Phẩy Chín	
163	2120527216	Võ Thị Kiều	Mi	K22YDH	13/06/1997	7.6	BảyPhẩy Sáu	
164	2226521373	Lê Ngọc Diễm	Mi	T22YDH	29/01/1990	8.2	Tám Phẩy Hai	
165	2121524797	Nguyễn Anh	Minh	K21YDH	10/07/1997	7.5	Bảy Phẩy Năm	
166	2326521070	Nguyễn Thị	Minh	D23YDH A	16/07/1978	6.2	Sáu Phẩy Hai	
167	2326521069	Võ Đỗ Ánh	Minh	D23YDH	02/01/1991	7.0	Bảy	
168	2226521374	Nguyễn Thị Yên	Minh	T22YDH	02/02/1992	6.5	Sáu Phẩy Năm	
169	2120524849	Nguyễn Thị	Mơ	K21YDH	10/12/1996	8.2	Tám Phẩy Hai	
170	2126521887	Nguyễn Thị	My	T22YDH	11/02/1987	6.2	Sáu Phẩy Hai	
171	2227521377	Nguyễn Đình	Mỹ	T22YDH	08/11/1988	6.2	Sáu Phẩy Hai	
172	2020523123	Nguyễn Đình Tài	Nam	K20YDH	14/02/1996	V	Vắng	
173	2227521378	Nguyễn Trần	Nam	T22YDH	21/03/1994	6.0	Sáu	
174	2326521074	Nguyễn Thị Thanh	Nga	D23YDH A	26/03/1992	8.9	Tám Phẩy Chín	
175	2226521531	Lê Thị	Nga	D23YDH	14/10/1988	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
176	2226521380	Dương Thị	Nga	T22YDH	17/04/1982	7.2	Bảy Phẩy Hai	
177	2226521382	Trương Thị Yên	Nga	T22YDH	22/07/1990	6.5	Sáu Phẩy Năm	
178	2326521075	Nguyễn Khánh	Ngân	D23YDH A	12/05/1995	6.0	Sáu	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
179	2226521131	Nguyễn Thị	Ngân	D22YDH A	21/03/1992	0.0	Không	
180	2326521076	Doãn Hoàng Thiên	Ngân	D23YDH	27/05/1991	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
181	2326521077	Alê H'	Ngát	D23YDH A	26/12/1996	6.0	Sáu	
182	2121529518	Võ Huỳnh Hải	Nghĩa	K21YDH	22/02/1996	4.1	Bốn Phẩy Một	
183	2120527653	Hoàng Lê Bảo	Ngọc	K21YDH	24/07/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
184	2120529393	Nguyễn Bích	Ngọc	K21YDH	08/06/1997	3.5	Ba Phẩy Năm	
185	2327521079	Trần Vĩnh	Ngọc	D23YDH A	03/05/1994	8.3	Tám Phẩy Ba	
186	2121524782	Phạm Thái	Ngọc	K21YDH	11/01/1997	6.2	Sáu Phẩy Hai	
187	2326521078	Trần Phan Như	Ngọc	D23YDH	26/06/1983	8.3	Tám Phẩy Ba	
188	2121529520	Nguyễn Thanh	Nguyên	K21YDH	03/01/1996	4.3	Bốn Phẩy Ba	
189	2121524622	Nguyễn Bình	Nguyên	K22YDH	17/08/1997	7.1	Bảy Phẩy Một	
190	1921524862	Văn Bá Bình	Nguyên	K19YDH	11/11/1994	1.2	Một Phẩy Hai	
191	2227521535	Đặng Thái	Nguyên	D22YDH-C	24/11/1994	V	Vắng	
192	2226521386	Ngô Thị Thảo	Nguyên	T22YDH	21/03/1995	3.6	Ba Phẩy Sáu	
193	2326521080	Trần Thị Minh	Nguyệt	D23YDH	14/05/1993	7.1	Bảy Phẩy Một	
194	2226521387	Ngô Thị Thu	Nguyệt	T22YDH	11/05/1990	8.7	Tám Phẩy Bảy	
195	2326521081	Lê Thị	Nhàn	D23YDH	08/10/1994	9.1	Chín Phẩy Một	
196	2226521389	Trần Thị Ý	Nhi	T22YDH	13/09/1995	2.8	Hai Phẩy Tám	
197	2226521392	Huỳnh Thị Yên	Nhi	T22YDH	08/06/1994	7.6	BảyPhẩy Sáu	
198	2226521393	Hồ Thị	Nhị	T22YDH	18/09/1994	7.9	Bảy Phẩy Chín	
199	2120529357	Phạm Thị Ý	Như	K21YDH	10/11/1997	2.2	Hai Phẩy Hai	
200	2226521394	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	T22YDH	20/06/1987	7.5	Bảy Phẩy Năm	
201	2326521082	Mai Thị Mỹ	Nhung	D23YDH	11/03/1996	6.0	Sáu	
202	2326521083	Trần Thị Hồng	Nhung	D23YDH	08/09/1994	8.5	Tám Phẩy Năm	
203	2226521396	Đặng Thị Thùy	Nhung	T22YDH	15/12/1990	9.2	Chín Phẩy Hai	
204	2326521084	Trần Thị Ly	Ni	D23YDH A	31/10/1986	9.7	ChínPhẩy Bảy	
205	2226521398	Trần Thị Kim	Oanh	T22YDH	12/12/1982	9.2	Chín Phẩy Hai	
206	2226521399	Trịnh Thị Kim	Oanh	T22YDH	03/11/1995	8.8	Tám Phẩy Tám	
207	2120524532	Đặng Thị Kim	Phụng	K21YDH	11/04/1997	6.8	Sáu Phẩy Tám	
208	2326521086	Nguyễn Thị Kim	Phụng	D23YDH	12/08/1995	9.1	Chín Phẩy Một	
209	2226521400	Lê Thị	Phước	T22YDH	19/09/1995	8.5	Tám Phẩy Năm	
210	2120524514	Nguyễn Hoàng	Phương	K21YDH	03/09/1997	7.9	Bảy Phẩy Chín	
211	2226521401	Tào Thị Như	Phương	T22YDH	10/08/1992	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
212	2226521402	Nguyễn Thị Thanh	Phương	T22YDH	11/08/1993	8.9	Tám Phẩy Chín	
213	2226521403	Nguyễn Thị Minh	Phương	T22YDH	31/08/1986	8.4	Tám Phẩy Bốn	
214	2226521404	Trần Thị Hà	Phương	T22YDH	07/03/1991	8.8	Tám Phẩy Tám	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
215	2226521406	Ngô Thị Bích	Phượng	T22YDH	04/10/1994	9.2	Chín Phẩy Hai	
216	2226521407	Đặng Thị Thu	Phượng	T22YDH	22/05/1990	7.9	Bảy Phẩy Chín	
217	2226521408	Phan Thị Hồng	Phượng	T22YDH	03/02/1990	9.5	Chín Phẩy Năm	
218	2226521405	Lê Thị Lập	Phượng	T22YDH	25/07/1994	V	Vắng	
219	1921527933	Trương Hoàng	Quân	K19YDH	22/03/1994	5.6	Năm Phẩy Sáu	
220	1920524696	Ngô Xuân	Quang	K19YDH	21/06/1995	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
221	2227521409	Phạm Trần	Quý	T22YDH	07/05/1983	7.3	Bảy Phẩy Ba	
222	2226521153	Ngô Thị Lệ	Quyên	D23YDH A	01/01/1993	8.3	Tám Phẩy Ba	
223	2226521152	Võ Thị Thanh	Quyên	D22YDH A	16/09/1994	7.5	Bảy Phẩy Năm	
224	2227521410	Nguyễn Hồng	Quyên	T22YDH	19/12/1993	7.8	Bảy Phẩy Tám	
225	2120524476	Phan Thị Như	Quỳnh	K21YDH	03/06/1997	7.5	Bảy Phẩy Năm	
226	2326521087	Kỳ Diệu	Quỳnh	D23YDH	20/10/1995	9.3	Chín Phẩy Ba	
227	2226521411	Lâm Gia	Quỳnh	T22YDH	30/09/1994	3.9	Ba Phẩy Chín	
228	2226521412	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	T22YDH	26/05/1995	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
229	2326521090	Trần Thị	Sen	D23YDH A	22/11/1996	8.5	Tám Phẩy Năm	
230	2326521089	Trần Hoa	Sen	D23YDH A	14/09/1994	V	Vắng	
231	2226521414	Lê Thị Tuyết	Sương	T22YDH	14/09/1993	8.6	Tám Phẩy Sáu	
232	2327521092	Nguyễn Minh	Tài	D23YDH	24/11/1996	4.8	Bốn Phẩy Tám	
233	2120524771	Huỳnh Khánh	Tâm	K21YDH	20/01/1997	7.0	Bảy	
234	2126521918	Trần Thị Thanh	Tâm	T21YDH-B	03/05/1994	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
235	2326521093	Phan Thị Thanh	Tâm	D23YDH	18/05/1994	9.2	Chín Phẩy Hai	
236	2326521094	Nguyễn Thị Thúy	Tâm	D23YDH	10/01/1992	8.1	Tám Phẩy Một	
237	2326521095	Nguyễn Thị	Tâm	D23YDH	15/09/1991	8.4	Tám Phẩy Bốn	
238	2226521415	Nguyễn Thị Minh	Tâm	T22YDH	19/12/1987	8.4	Tám Phẩy Bốn	
239	2227521416	Nguyễn Thành	Tâm	T22YDH	16/11/1996	8.9	Tám Phẩy Chín	
240	2226521417	Phạm Thị Hồng	Thái	T22YDH	22/06/1989	7.2	Bảy Phẩy Hai	
241	2121524702	Lê Ngọc	Thắng	K21YDH	08/10/1997	6.3	Sáu Phẩy Ba	
242	2326521097	Trần Thị Kim	Thanh	D23YDH A	19/09/1993	9.2	Chín Phẩy Hai	
243	2326521098	Nguyễn Thị	Thanh	D23YDH	14/03/1983	7.6	BảyPhẩy Sáu	
244	2226521418	Huỳnh Phương	Thanh	T22YDH	09/03/1990	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
245	2226521420	Lê Thị Mộng	Thanh	T22YDH	25/08/1979	6.9	Sáu Phẩy Chín	
246	2226521421	Nguyễn Thị Thu	Thanh	T22YDH	12/08/1982	8.2	Tám Phẩy Hai	
247	2120524542	Huỳnh Thị Phương	Thảo	K21YDH	28/05/1997	8.4	Tám Phẩy Bốn	
248	2326521099	Đinh Thái Phương	Thảo	D23YDH A	02/11/1996	7.1	Bảy Phẩy Một	
249	2120519585	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K21YDH	15/02/1996	6.8	Sáu Phẩy Tám	
250	2121524529	Hồ Nguyên	Thảo	K21YDH	19/02/1997	3.4	Ba Phẩy Bốn	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
251	2326521100	Trần Thị Thanh	Thảo	D23YDH	18/06/1995	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
252	2326521101	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D23YDH	15/09/1989	9.4	ChínPhẩy Bốn	
253	2326521102	Lê Thị	Thảo	D23YDH	02/05/1996	5.8	Năm Phẩy Tám	
254	2226521422	Vũ Hoàng Phương	Thảo	T22YDH	20/01/1984	7.1	Bảy Phẩy Một	
255	2226521423	Lê Thị Phương	Thảo	T22YDH	04/05/1993	9.1	Chín Phẩy Một	
256	2226521424	Nguyễn Thị Phước	Thảo	T22YDH	13/09/1989	5.6	Năm Phẩy Sáu	
257	2226521426	Trần Thị Thanh	Thảo	T22YDH	10/11/1993	7.1	Bảy Phẩy Một	
258	2226521427	Đinh Thị Phương	Thảo	T22YDH	20/10/1987	9.0	Chín	
259	2226521428	Nguyễn Thị Bích	Thảo	T22YDH	13/07/1995	8.7	Tám Phẩy Bảy	
260	2121529386	Hồ Quốc	Thịnh	K21YDH	25/09/1997	8.4	Tám Phẩy Bốn	
261	2327521103	Phan Đức	Thọ	D23YDH	18/11/1989	7.6	BảyPhẩy Sáu	
262	2226521710	Kiều Thị Kim	Thoa	T22YDH-B	27/07/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
263	2326521104	Kim Thị Kim	Thoa	D23YDH	25/01/1995	6.9	Sáu Phẩy Chín	
264	2326521105	Võ Thị Kim	Thoa	D23YDH	20/06/1995	6.9	Sáu Phẩy Chín	
265	2226521429	Nguyễn Thị Hồng	Thoa	T22YDH	01/01/1979	9.6	Chín Phẩy Sáu	
266	1921527892	Lê Minh	Thông	K19YDH	08/08/1995	3.4	Ba Phẩy Bốn	
267	2120529356	Đặng Thị	Thu	K21YDH	16/05/1997	8.4	Tám Phẩy Bốn	
268	2226521430	Phạm Thị	Thu	T22YDH	29/01/1994	8.4	Tám Phẩy Bốn	
269	2226521431	Ngô Thị Hoài	Thu	T22YDH	28/07/1984	8.7	Tám Phẩy Bảy	
270	2226521432	Phan Anh Bội	Thư	T22YDH	20/07/1991	V	Vắng	
271	2226521434	Mai Thị	Thuận	T22YDH	20/06/1991	9.3	Chín Phẩy Ba	
272	2226521436	Nguyễn Thị Lệ	Thương	T22YDH	02/02/1992	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
273	2326521108	Hà Thị Ngọc	Thúy	D23YDH	28/02/1994	9.0	Chín	
274	2226521437	Lê Thị Thanh	Thúy	T22YDH	25/03/1990	7.3	Bảy Phẩy Ba	
275	2120529117	Dương Thị Lệ	Thủy	K21YDH	30/05/1997	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
276	2326521109	Trần Thị	Thủy	D23YDH A	14/09/1994	8.4	Tám Phẩy Bốn	
277	2326521110	Bùi Thị	Thủy	D23YDH	05/06/1995	7.2	Bảy Phẩy Hai	
278	2326521111	Trần Thị Thanh	Thủy	D23YDH	19/05/1994	6.2	Sáu Phẩy Hai	
279	2226521439	Bùi Thị Bích	Thủy	T22YDH	11/04/1970	7.5	Bảy Phẩy Năm	
280	2226521440	Trần Thị Thu	Thủy	T22YDH	19/07/1990	9.0	Chín	
281	2226521441	Đặng Thị Bích	Thủy	T22YDH	16/12/1984	9.4	ChínPhẩy Bốn	
282	2226521559	Nguyễn Mai Quỳnh	Thy	D22YDH -B	12/10/1994	8.4	Tám Phẩy Bốn	
283	2120528940	Đặng Thị Thủy	Tiên	K21YDH	25/07/1996	7.0	Bảy	
284	2326521112	Lê Thủy	Tiên	D23YDH A	31/10/1993	7.2	Bảy Phẩy Hai	
285	2226521171	Lê Thái Thủy	Tiên	D22YDH A	29/03/1993	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
286	2226521442	Lê Thị Cẩm	Tiên	T22YDH	20/11/1995	6.8	Sáu Phẩy Tám	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
287	2326521113	Trần Thị	Tĩnh	D23YDH	06/05/1991	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
288	2327521114	Ngô Lâm	Tới	D23YDH	20/10/1993	4.9	Bốn Phẩy Chín	
289	2226521446	Phạm Thị Diệu	Trâm	T22YDH	03/06/1980	2.3	Hai Phẩy Ba	
290	2226521447	Phan Thị Bích	Trâm	T22YDH	12/05/1995	0.8	Không Phẩy Tám	
291	2226521448	Lê Huỳnh Bảo	Trâm	T22YDH	23/09/1995	6.8	Sáu Phẩy Tám	
292	2226521449	Trần Thị Mỹ	Trâm	T22YDH	29/07/1994	8.7	Tám Phẩy Bảy	
293	2226521450	Phan Thị	Trân	T22YDH	10/02/1993	8.0	Tám	
294	2226521451	Nguyễn Lê Ngọc	Trân	T22YDH	08/07/1995	7.6	BảyPhẩy Sáu	
295	2326521119	Phạm Thị	Trang	D23YDH A	22/01/1995	9.3	Chín Phẩy Ba	
296	2326521120	Lê Nguyên	Trang	D23YDH A	22/02/1994	7.9	Bảy Phẩy Chín	
297	2226521779	Lê Võ Vân	Trang	D22YDH-B	08/02/1994	V	Vắng	
298	2326521115	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D23YDH	26/08/1995	5.5	Năm Phẩy Năm	
299	2226521452	Dương Thị Thu	Trang	T22YDH	21/06/1967	6.9	Sáu Phẩy Chín	
300	2226521453	Nguyễn Thị Công	Trang	T22YDH	20/07/1993	4.8	Bốn Phẩy Tám	
301	2226521454	Văn Thị Thùy	Trang	T22YDH	20/08/1973	5.6	Năm Phẩy Sáu	
302	2226521456	Bùi Thị Đài	Trang	T22YDH	05/07/1994	5.7	Năm Phẩy Bảy	
303	2226521487	Trần Thị Thùy	Trang	T22YDH	19/11/1984	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
304	2121528031	Bùi Lê Thiên	Trí	K21YDH	03/04/1997	5.9	Năm Phẩy Chín	
305	2121529023	Ngô Trương Hiền	Trí	K21YDH	24/09/1997	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
306	2121524808	Võ Minh	Trí	K21YDH	13/05/1996	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
307	2120524497	Nguyễn Thanh	Trình	K21YDH	21/09/1997	0.0	Không	
308	2120524749	Ngô Thị Tú	Trình	K21YDH	20/12/1997	7.3	Bảy Phẩy Ba	
309	2120528927	Nguyễn Huỳnh Kiều	Trình	K21YDH	17/10/1997	9.4	ChínPhẩy Bốn	
310	2326521121	Trương Thị Phương	Trình	D23YDH A	25/05/1994	7.3	Bảy Phẩy Ba	
311	2226521458	Phan Nữ Tú	Trình	T22YDH	01/09/1990	8.7	Tám Phẩy Bảy	
312	2226521457	Võ Thị Tố	Trình	T22YDH	22/06/1993	6.1	Sáu Phẩy Một	
313	2121527154	Nguyễn Như	Trọng	K21YDH	01/05/1997	9.1	Chín Phẩy Một	
314	2327521123	Doãn Thành	Trung	D23YDH A	15/02/1993	9.4	ChínPhẩy Bốn	
315	2121528866	Phạm Bùi Đức	Trung	K21YDH	12/07/1997	7.8	Bảy Phẩy Tám	
316	2327521124	Phan Văn	Trung	D23YDH A	20/08/1983	5.5	Năm Phẩy Năm	
317	2227521459	Đào Trọng	Trung	T22YDH	03/07/1984	8.0	Tám	
318	2226521461	Nguyễn Thị Anh	Tú	T22YDH	08/09/1992	8.3	Tám Phẩy Ba	
319	2227521460	Phạm Văn	Tú	T22YDH	20/10/1980	8.1	Tám Phẩy Một	
320	2121524726	Phạm Hữu	Tuấn	K21YDH	22/07/1997	7.1	Bảy Phẩy Một	
321	2227521462	Đặng Văn	Tuấn	T22YDH	10/11/1994	8.3	Tám Phẩy Ba	
322	2227521463	Hoàng Anh	Tuấn	T22YDH	11/05/1994	7.0	Bảy	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
323	2227521184	Hà Đình	Tùng	D22YDH A	25/10/1994	8.5	Tám Phẩy Năm	
324	2121524611	Trần Quang	Tùng	K21YDH	26/12/1997	5.6	Năm Phẩy Sáu	
325	2227521464	Lê Võ Minh	Tướng	T22YDH	17/09/1987	5.5	Năm Phẩy Năm	
326	2226521465	Nguyễn Cát	Tuyền	T22YDH	15/08/1982	7.2	Bảy Phẩy Hai	
327	2326521125	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	D23YDH A	04/02/1990	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
328	2120524635	Nguyễn Thị Hồng	Uyên	K21YDH	10/04/1997	6.9	Sáu Phẩy Chín	
329	2120524648	Văn Thị Thanh	Uyên	K21YDH	23/04/1997	6.1	Sáu Phẩy Một	
330	2326521126	Lê Thị Tú	Uyên	D23YDH	23/11/1994	V	Vắng	
331	2126521555	Trương Trang	Uyên	T21YDH	22/08/1994	8.3	Tám Phẩy Ba	
332	2226521466	Lê Thị Thu	Uyên	T22YDH	01/10/1992	9.2	Chín Phẩy Hai	
333	2226521467	Ngô Đình Phương	Uyên	T22YDH	28/11/1985	8.3	Tám Phẩy Ba	
334	2226521468	Võ Thị Phụng	Uyên	T22YDH	17/02/1987	8.4	Tám Phẩy Bốn	
335	2120524719	Nguyễn Thị Bích	Vân	K21YDH	05/02/1997	8.0	Tám	
336	2226521782	Trần Minh	Vân	D22YDH-B	27/04/1995	2.1	Hai Phẩy Một	
337	2226521187	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	D22YDH-C	10/08/1982	5.5	Năm Phẩy Năm	
338	2226521469	Lương Thị Bích	Vân	T22YDH	05/04/1984	6.9	Sáu Phẩy Chín	
339	2226521470	Đỗ Thị Hà	Vi	T22YDH	16/08/1988	7.5	Bảy Phẩy Năm	
340	2226521471	Nguyễn Thị Thúy	Vi	T22YDH	28/06/1995	8.3	Tám Phẩy Ba	
341	2121524537	Nguyễn Hoàng	Việt	K21YDH	30/10/1997	7.3	Bảy Phẩy Ba	
342	2026522184	Phạm Văn	Vinh	T20YDH	18/01/1990	V	Vắng	
343	2121527229	Hoàng	Vũ	K21YDH	13/12/1997	6.5	Sáu Phẩy Năm	
344	2227521472	Ngô Ngọc	Vũ	T22YDH	20/03/1990	7.3	Bảy Phẩy Ba	
345	2226521574	Ngô Thị Tường	Vy	D22YDH-B	15/08/1993	8.7	Tám Phẩy Bảy	
346	2326521127	Ngô Thị Ái	Vy	D23YDH	19/05/1990	9.2	Chín Phẩy Hai	
347	2226521473	Trần Thị Mộng Thúy	Vy	T22YDH	05/09/1995	9.3	Chín Phẩy Ba	
348	2227521474	Võ Viết	Xuân	T22YDH	08/02/1993	V	Vắng	
349	2120524838	Nguyễn Thị Lộc	Xuyên	K22YDH	06/07/1996	7.5	Bảy Phẩy Năm	
350	2326521129	Trần Thị Thi	Ý	D23YDH A	01/09/1995	9.3	Chín Phẩy Ba	
351	2326521128	Lương Ngọc	Ý	D23YDH	15/06/1994	9.0	Chín	
352	2226521475	Nguyễn Thị Kim	Ý	T22YDH	31/12/1993	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
353	2326521130	Hoàng Thị Ngọc	Yên	D23YDH	20/01/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	
354	2121253808	Nguyễn Văn	Lợi	K21KDN	20/09/1997	5.6	Năm Phẩy Sáu	
355	2220265341	Nguyễn Thị Thúy	An	K22KDN	13/03/1998	9.6	Chín Phẩy Sáu	
356	2220263354	Nguyễn Thị Mai	Anh	K22KDN	15/04/1998	10.0	Mười	
357	2221265370	Nguyễn Minh	Hiếu	K22KDN	18/12/1998	8.1	Tám Phẩy Một	
358	2220268447	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	K22KDN	05/03/1997	9.4	ChínPhẩy Bốn	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
359	2220265379	Đào Thị Minh	Hương	K22KDN	12/01/1998	V	Vắng	
360	2220265390	Nguyễn Thị Hà	My	K22KDN	07/06/1998	5.6	Năm Phẩy Sáu	
361	2220268917	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	K22KDN	18/04/1998	9.7	ChínPhẩy Bảy	
362	2220255259	Lương Thị Bích	Ngọc	K22KDN	11/11/1998	8.4	Tám Phẩy Bốn	
363	2221265419	Tôn Thất	Quân	K22KDN	28/09/1998	6.9	Sáu Phẩy Chín	
364	2220512737	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	K22KDN	30/01/1998	9.8	Chín Phẩy Tám	
365	2220868283	Phan Thị Thủy	Tiên	K22KDN	15/07/1998	9.3	Chín Phẩy Ba	
366	2220269025	Phạm Tổ	Uyên	K22KDN	24/07/1998	9.7	ChínPhẩy Bảy	
367	2220868120	Hồ Thị Mai	Trình	K22KDN	25/11/1998	5.6	Năm Phẩy Sáu	
368	2227261812	Nguyễn Ngọc	Huy	D22K DNC	17/05/1994	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
369	23262612709	Phan Thị Xuân	Thanh	D23KDNB	02/02/1996	4.5	Bốn Phẩy Năm	
370	2220214360	Thân Hà Châu	Quỳnh	K22KDN	16/06/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
371	2021257105	Nguyễn Tuấn	Huy	K21KKT	20/04/1996	10.0	Mười	
372	2121219660	Nguyễn Ngọc	Thành	K21KKT	13/07/1994	10.0	Mười	
373	1920258890	Nguyễn Thị Diễm	Oanh	K22KKT	14/08/1994	9.6	Chín Phẩy Sáu	
374	2220255284	Trần Thị Minh	Quý	K22KKT	11/12/1998	9.5	Chín Phẩy Năm	
375	2221218683	Châu Văn	Thế	K22KKT	29/08/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
376	2220255306	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	K23KKT	25/09/1998	V	Vắng	
377	2220259382	Trần Thị Minh	Nguyệt	K22KKT	19/12/1998	7.6	BảyPhẩy Sáu	
378	2220255266	Tô Thị	Nhi	K22KKT	25/05/1998	2.5	Hai Phẩy Năm	
379	2221865851	Đặng Kỳ	An	K22LKT	03/10/1998	8.0	Tám	
380	2220217464	Lê Thị Ngọc	Bích	K22LKT	12/06/1998	6.0	Sáu	
381	2220865867	Trương Thành	Chương	K22LKT	19/06/1998	6.0	Sáu	
382	2221865879	Mai Trung	Đức	K22LKT	21/06/1998	6.5	Sáu Phẩy Năm	
383	2221868734	Trần Văn	Đức	K22LKT	17/02/1998	V	Vắng	
384	2220865884	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	K22LKT	26/05/1998	8.5	Tám Phẩy Năm	
385	2221217488	Nguyễn Tấn	Dũng	K22LKT	19/06/1998	8.5	Tám Phẩy Năm	
386	2220868090	Trần Ngọc	Hân	K22LKT	30/03/1998	6.5	Sáu Phẩy Năm	
387	2121866132	Kim Văn	Hậu	K21LKT	02/04/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
388	2220865924	Nguyễn Thị	Hoa	K22LKT	28/03/1998	10.0	Mười	
389	2220865938	Đặng Thị Xuân	Hương	K22LKT	14/09/1997	7.5	Bảy Phẩy Năm	
390	2220863831	Nguyễn Đỗ Khánh	Huyền	K22LKT	09/11/1998	8.0	Tám	
391	2220865950	Phan Thị	Ka	K22LKT	23/02/1998	7.0	Bảy	
392	2220863800	Đinh Thụy	Kha	K22LKT	14/12/1998	7.0	Bảy	
393	2221865952	Mai Quốc	Khánh	K22LKT	11/06/1997	9.0	Chín	
394	2221863865	Phan Thái Duy	Khôi	K22LKT	15/10/1998	8.5	Tám Phẩy Năm	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
395	2221865955	Lê Võ Tuấn	Kiệt	K22LKT	15/09/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
396	2220863809	Trần Thị Khánh	Linh	K22LKT	09/12/1998	8.0	Tám	
397	2220865980	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	K22LKT	17/11/1997	6.0	Sáu	
398	2221863872	Lê Hoàng	Minh	K22LKT	02/09/1997	10.0	Mười	
399	2120867342	Tăng Thu Hà	My	K22LKT	14/01/1996	9.0	Chín	
400	2220865989	Trần Trà	My	K22LKT	23/08/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
401	2220866000	Nguyễn Thị Thiên	Nga	K22LKT	31/12/1997	8.5	Tám Phẩy Năm	
402	2220868961	Dương Thị	Nga	K22LKT	04/03/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
403	2220868484	Nguyễn Bảo	Ngọc	K22LKT	24/03/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
404	2220866010	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	K22LKT	20/05/1998	8.0	Tám	
405	2220868685	Võ Thị Lâm	Nguyên	K22LKT	03/12/1997	8.0	Tám	
406	2220869540	Võ Thị Lan	Oanh	K22LKT	20/04/1998	9.5	Chín Phẩy Năm	
407	2221866035	Nguyễn Văn	Phong	K22LKT	15/01/1998	8.0	Tám	
408	2220866039	Hồ Trần Văn	Phú	K22LKT	02/12/1998	8.0	Tám	
409	2221866041	Nguyễn Hữu	Phúc	K22LKT	01/02/1997	8.0	Tám	
410	2221868503	Nguyễn Hoàng	Phúc	K22LKT	09/07/1996	6.0	Sáu	
411	2220866096	Trần Thị Thương	Thương	K22LKT	05/08/1997	6.5	Sáu Phẩy Năm	
412	2220863781	Hồ Thị Thùy	Tiên	K22LKT	01/02/1998	8.0	Tám	
413	2220863833	Vương Thạch Thanh	Vi	K22LKT	11/06/1998	7.0	Bảy	
414	2121867592	Phan Quan	Vũ	K21LKT	02/04/1997	8.0	Tám	
415	2220869573	Nguyễn Thị	Yến	K22LKT	29/03/1997	9.0	Chín	
416	2220218793	Hồ Thị Minh	Anh	K22QTH	24/09/1998	4.0	Bốn	
417	2121215402	Nguyễn Ngọc	Bảo	K21QTH	02/10/1997	V	Vắng	
418	2221214545	Trần Tấn	Bảo	K22QTH	09/08/1998	7.8	Bảy Phẩy Tám	
419	2221218932	Nguyễn Huy	Cường	K22QTH	10/04/1998	8.8	Tám Phẩy Tám	
420	2221514983	Lê Văn	Danh	K22QTH	28/01/1998	2.3	Hai Phẩy Ba	
421	2220217472	Phạm Thị Anh	Đào	K22QTH	13/11/1998	6.5	Sáu Phẩy Năm	
422	2221214370	Nguyễn Thành	Đạt	K22QTH	05/07/1998	3.9	Ba Phẩy Chín	
423	2221214426	Lê Xuân	Đạt	K22QTH	10/09/1998	6.9	Sáu Phẩy Chín	
424	2221244570	Cao Tiến	Đạt	K22QTH	23/10/1998	V	Vắng	
425	2221214436	Mai Ngọc	Đức	K22QTH	10/10/1998	6.5	Sáu Phẩy Năm	
426	2220217487	Hồ Thị	Dung	K22QTH	06/07/1998	4.0	Bốn	
427	2220219370	Nguyễn Xuân Mỹ	Duyên	K22QTH	25/05/1998	4.1	Bốn Phẩy Một	
428	2220716678	Lê Cẩm	Hải	K22QTH	09/03/1998	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
429	2220217509	Phạm Thị Thanh	Hằng	K22QTH	20/02/1998	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
430	2220218647	Nguyễn Thị Mỹ	Hảo	K22QTH	06/04/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
431	2220217523	Bùi Thị Bích	Hoài	K22QTH	17/02/1998	3.8	Ba Phẩy Tám	
432	2121213399	Lê Công	Hoàng	K21QTH	10/06/1997	3.5	Ba Phẩy Năm	
433	2121215434	Phan Viết	Hùng	K21QTH	26/10/1997	3.4	Ba Phẩy Bốn	
434	2226211588	Trần Nữ Hoàng	Hường	D22QTHB	30/11/1995	6.0	Sáu	
435	2020214548	Đặng Vũ Như	Huyền	K21QTH	08/01/1996	V	Vắng	
436	2220214389	Đặng Thị Tố	Khuyên	K22QTH	18/09/1998	9.4	ChínPhẩy Bốn	
437	2221214457	Bùi Trọng	La	K22QTH	06/04/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
438	2220214371	Đặng Quỳnh	Ly	K22QTH	20/10/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
439	2121213411	Nguyễn Văn	Mẫn	K22QTH	28/05/1997	3.5	Ba Phẩy Năm	
440	2221217575	Nguyễn Văn	Mạnh	K22QTH	18/01/1998	3.5	Ba Phẩy Năm	
441	2220214418	Nguyễn Thị	Mơ	K22QTH	23/08/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
442	2220866020	Văn Thị Thảo	Nhi	K22QTH	10/10/1997	6.9	Sáu Phẩy Chín	
443	2220718297	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	K22QTH	12/09/1998	3.8	Ba Phẩy Tám	
444	2221217623	Trần Hữu	Phát	K22QTH	16/03/1997	9.4	ChínPhẩy Bốn	
445	2221214356	Bùi Nguyễn Văn	Quang	K22QTH	10/03/1998	8.3	Tám Phẩy Ba	
446	2220714071	Hoàng Như	Quỳnh	K23QTH	26/03/1998	6.1	Sáu Phẩy Một	
447	2220716975	Châu Thị Như	Quỳnh	K22QTH	29/03/1998	6.9	Sáu Phẩy Chín	
448	2221255288	Lê Trung	Sơn	K22QTH	09/07/1998	1.5	Một Phẩy Năm	
449	2220217646	Huỳnh Thị	Tâm	K22QTH	08/08/1998	8.8	Tám Phẩy Tám	
450	2021213532	Trần Duy	Thanh	K20QTH	15/10/1990	8.0	Tám	
451	2221214406	Nguyễn Hữu Như	Thạnh	K22QTH	09/04/1998	6.0	Sáu	
452	2220214355	Trần Thị Bích	Thảo	K22QTH	01/04/1998	6.8	Sáu Phẩy Tám	
453	2220214522	Lâm Thị Mỹ	Trâm	K22QTH	04/07/1998	8.4	Tám Phẩy Bốn	
454	2220214366	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K22QTH	01/01/1998	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
455	2220218877	Nguyễn Thị Tú	Trình	K22QTH	10/11/1998	8.6	Tám Phẩy Sáu	
456	2221125743	Hoàng Việt	Trung	K22QTH	04/04/1998	6.5	Sáu Phẩy Năm	
457	2221217703	Huỳnh Anh	Tuấn	K22QTH	07/10/1996	V	Vắng	
458	2121524699	Huỳnh Văn	Tượng	K21QTH	02/12/1996	7.5	Bảy Phẩy Năm	
459	2220214453	Ôn Thị Thu	Uyên	K22QTH	26/02/1998	6.0	Sáu	
460	2220714107	Phạm Thị Thu	Uyên	K22QTH	12/01/1998	1.9	Một Phẩy Chín	
461	2120219008	Đặng Phạm Thu	Vân	K21QTH	27/11/1997	6.0	Sáu	
462	2221214384	Phan Công	Việt	K22QTH	14/02/1998	8.1	Tám Phẩy Một	
463	2221247956	Trương Quang Đức	Vũ	K23QTH	19/12/1998	6.0	Sáu	
464	2221326476	Nguyễn Minh	Vương	K22QTH	26/01/1998	V	Vắng	
465	2220217722	Trần Thị Nhật	Vy	K22QTH	07/07/1998	V	Vắng	
466	2121218241	Ông Phan Như	Ý	K21QTH	27/10/1997	6.5	Sáu Phẩy Năm	